

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <p>Địa chỉ: Số 18 - phố Trần Nguyên Hãn - Phường Hoàn Kiếm - TP Hà Nội;</p> <p>Mã số thuế: 0102743068;</p> <p>Điện thoại: 024 222 04444, Số fax: 024 222 04455</p> <p>Email:</p> <p>Đại diện ủy quyền (nếu có): Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia;</p> <p>Địa chỉ: Số 04, Phố Nguyễn Khắc Nhu, Phường Ba Đình, TP Hà Nội;</p> <p>Mã số thuế: 0102743068-001;</p> <p>ĐT: (+84.24) 39840825; Fax: (+84.24) 39840824.</p>
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____
E-ĐKC 1.11	Địa điểm dự án: Tại trụ sở Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Số 04 phố Nguyễn Khắc Nhu, phường Ba Đình, TP Hà Nội.
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan. 2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng: <p>Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 v/v Ban hành hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Quyết định 514).</p> <p><i>(Trường hợp có quy định thay thế thì cập nhật theo quy định thay thế)</i></p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Ban QLDA các công trình điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. - Địa chỉ: Số 04, Phố Nguyễn Khắc Nhu, Phường Ba Đình, TP Hà Nội. - Điện thoại: (+84.24) 39840825; - Fax: (+84.24) 39840824.

	<p>- Địa chỉ email: Không có.</p>
<p>E-ĐKC 5.2</p>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 30 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Tên bên được bảo lãnh phải là tên của cả nhà thầu liên danh trong Bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 30 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>

	<p>- Khi Bên B vi phạm hợp đồng và Bên A khấu trừ một phần bảo lãnh do nhà thầu vi phạm thì Bên B phải có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo đảm bị khấu trừ để Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là 10% giá hợp đồng.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.</p> <p><i>[căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</i></p> <p><i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu.</i></p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ:</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết bằng thương lượng. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>
E-ĐKC 9	<p><i>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</i></p> <p><i>1. 07 ngày trước mỗi chuyến giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 01 bản gốc và 02 bản sao các chứng từ sau đây:</i></p>

	<p>a) Thông báo giao hàng, trong đó xác nhận các chi tiết của chuyển hàng gửi như: số và ngày ký hợp đồng, số kiện hàng, trọng lượng tịnh/bì tính bằng kg, số lượng hàng;</p> <p>b) Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng do Nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ lô hàng và/hoặc từng đợt giao hàng;</p> <p>c) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hợp lệ (nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài);</p> <p>d) Giấy chứng nhận bảo hành của Bên Bán;</p> <p>e) Bảng kê chi tiết hàng hóa đóng gói;</p> <p>f) Chứng nhận số lượng và chất lượng do nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp phát hành;</p> <p>Bên A có quyền từ chối tiếp nhận hàng hoá nếu các tài liệu do bên B cung cấp không phù hợp với các quy định của hợp đồng mà không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào khác.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong E-HSMT, Hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó để Bên A xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật). Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung mà Nhà thầu không thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án thì Nhà thầu được xem là vi phạm hợp đồng.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng:</p> <p>Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng, văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B và bảo lãnh tạm ứng theo Mẫu số 20 Phần 4 hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận, Bên A ứng trước cho Bên B 10% giá trị hàng hóa không bao gồm VAT, theo hình thức chuyển khoản, Bên B chịu phí chuyển tiền.</p>

Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam với số tiền tương đương số tiền tạm ứng, theo Mẫu số 20 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành đến thời gian sau ít nhất 30 ngày so với thời điểm dự kiến thu hồi hết tiền tạm ứng.

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần thực hiện theo quy định cụ thể trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Công tác tạm ứng phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT tại QĐ số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

	<i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i>
E-ĐKC 14.2	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển tiền</p> <p>Phương thức thanh toán:</p> <p>+ Thanh toán khi giao hàng:</p> <p>Sau khi Bên B giao hàng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 80% giá trị lô hàng giao của từng đợt hàng, 100% thuế GTGT trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Văn bản đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ 01 bản gốc và 04 bản sao các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán ▪ Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng ▪ Bảng kê chi tiết hàng hóa đóng gói ▪ Báo cáo kết quả thử nghiệm xuất xưởng do Nhà sản xuất thực hiện cho toàn bộ lô hàng. <ul style="list-style-type: none"> ▪ chứng nhận số lượng, chất lượng của hàng hoá. ▪ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hợp lệ (nếu hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài); ▪ Giấy chứng nhận bảo hành của Bên bán; ▪ Biên bản nghiệm thu hoàn thành ▪ Bản thanh toán theo quy định <p>+ Mười phần trăm (10%) giá trị còn lại của hàng hóa không bao gồm VAT sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành, nghiệm thu dự án hoặc 03 tháng kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng (thời hạn nào đến trước thì áp dụng) với điều kiện Bên B đã xử lý xong mọi tồn tại về hàng hóa, đồng thời với việc Bên B nộp bảo lãnh bảo hành và Bên B nộp cho Bên A 01 bản gốc và 5 bản sao các chứng từ để thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán 10% giá trị hợp đồng chưa bao gồm VAT. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giấy xác nhận hàng hoá đã được nghiệm thu đưa vào vận hành hoặc giấy xác nhận chuyển hàng cuối cùng đã được bàn giao. ▪ Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành, có giá trị tương ứng 5% giá trị hợp đồng; ▪ Phiếu giá thanh toán theo quy định. <p>+ Đối với chi phí dịch vụ: 100% chi phí dịch vụ bao gồm thuế GTGT sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên mua nhận được 01 bản gốc và 05 bản sao các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Văn bản đề nghị thanh toán phí dịch vụ.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hóa đơn thuế Giá trị gia tăng ▪ Chứng chỉ do Bên mua phát hành xác nhận Bên bán đã hoàn thành các dịch vụ theo yêu cầu của hợp đồng. ▪ Phiếu giá thanh toán theo quy định. <p><i>Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.</i></p> <p>Công tác thanh toán phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của EVNNPT tại QĐ số 16/QĐ-HĐTV ngày 13/01/2025 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.</p> <p><i>(Nếu có quy định khác thay thế được chỉnh sửa theo quy định mới)</i></p>
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không yêu cầu
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Theo quy định của nhà sản xuất</p> <p>Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải.</p>
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: bên bán tự chịu trách nhiệm bảo hiểm hàng hóa cho đến khi hoàn thành các dịch vụ liên quan
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: Theo phạm vi cung cấp của E-HSMT (bao gồm cả công tác lắp đặt, kết nối, cấu hình, đào tạo và bảo hành, bảo trì hệ thống Website)
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Theo quy định tại Chương V, E-HSMT</p> <p>- Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong</p>

	<p>vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có; - Trong trường hợp hàng hoá mua không đúng quy định hoặc có khác biệt so với quy định trong Hợp đồng, bằng chi phí của mình Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại số hàng hóa thay thế không phù hợp đó, cấp tại kho công trình và chịu toàn bộ các chi phí liên quan (chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm thực hiện dự án (bao gồm phí xếp dỡ xuống) + chi phí tháo dỡ VTTB không đúng quy định + chi phí lắp đặt, thí nghiệm lại (nếu có)) trong vòng 21 ngày sau khi nhận được khiếu nại của Bên A. Bên A sẽ hoàn trả lại hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của Nhà thầu; - Các chi phí liên quan đến sai khác về số lượng và chất lượng hàng hoá bao gồm vận chuyển bốc dỡ tại địa điểm giao nhận do Bên B chịu trách nhiệm; - Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất. Việc nghiệm thu của Bên A không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật tư về chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị do mình cung cấp, chế tạo, sản xuất, thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà các sai sót không phải do lỗi của Bên B hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng; <p>Tổ chức kiểm tra: Ngoài các yêu cầu nêu trên, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá theo quy định và các văn bản hiện hành của EVNNPT và Nhà thầu chịu mọi chi phí phát sinh.</p>
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Tại đơn vị sử dụng
E-ĐKC 22	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm/tuần và tùy theo thời gian thực hiện hợp đồng, có thể phạt từ 1-3% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%.</p>

	<p>Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp vật tư thiết bị, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành vật tư thiết bị. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin.</p>
E-ĐKC 23.3	<p>Thời hạn bảo hành là: Theo quy định tại chương III E-HSMT.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Tại trụ sở Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, Số 4 Nguyễn Khắc Nhu, phường Ba Đình, Hà Nội</p>
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 03 ngày.</p>
E-ĐKC 27.7 (d)	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% [<i>nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%</i>] giá trị giảm giá hợp đồng.</p>